

Số: /KSBT-SKMT&YTTH

Khánh Hòa, ngày tháng 10 năm 2022

V/v trả lời kết quả kiểm tra, giám sát
chất lượng nước sạch năm 2022

Kính gửi: Công ty Cổ phần đô thị Ninh Hòa

Căn cứ Kế hoạch số 1114/KH-KSBT ngày 13/6/2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cung cấp nước, nguồn nước hộ gia đình và nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1388/KSBT-SKMT&YTTH ngày 22/7/2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2022;

Ngày 24-25/8/2022, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch tại 06 Nhà máy nước (NMN) Ninh Sơn, NMN Ninh Trung, NMN Ninh Đông, NMN Ninh Sim, NMN Ninh Xuân, NMN Ninh Bình có công suất trên 1000m³/ngày đêm và 02 Trạm cấp nước (TCN) Ninh Tân, TCN Ninh Tây có công suất dưới 1000m³/ngày đêm thuộc Công ty Cổ phần đô thị Ninh Hòa (sau đây gọi tắt là Công ty); đồng thời lấy 09 mẫu tại 06 NMN và tại 02 TCN, mỗi TCN lấy 03 mẫu nước để phân tích, kết quả như sau:

1. Việc thực hiện chế độ nội kiểm của Công ty

- Tại thời điểm kiểm tra, các NMN, TCN thuộc Công ty đang áp dụng QCVN 01-1:2018/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt” để quản lý chất lượng nước;

- Công ty có lập hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước. Tuy nhiên, việc lưu trữ và quản lý hồ sơ hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch của Công ty chưa đầy đủ theo quy định.

- Công ty có thực hiện chế độ báo cáo và chế độ công khai thông tin chất lượng nước đúng quy định;

- Về công tác nội kiểm chất lượng nước:

+ Các NMN có công suất trên 1000m³/ngày đêm có thực hiện xét nghiệm chỉ tiêu nhóm A, B với tần suất đúng quy định. Tuy nhiên, số lượng mẫu thử nghiệm nội kiểm chưa đủ theo quy định (căn cứ đặc điểm của mạng lưới cấp nước và số người dân được cấp nước bởi Công ty (trên 100.000 dân) thì cần lấy ít nhất 09 mẫu/lần);

+ Các TCN có công suất dưới 1000m³/ngày đêm có thực hiện xét nghiệm chỉ tiêu nhóm A với tần suất đúng quy định, chỉ tiêu nhóm B có thực hiện nhưng

chưa đủ tần suất theo quy định; số lượng mẫu thử nghiệm nội kiểm đối với nhóm A, B chỉ mới xét nghiệm 01 mẫu/01 TCN so với 03 mẫu theo quy định.

- Công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đã trình cơ quan có thẩm quyền chờ phê duyệt.

- Công ty đã hoàn thiện hồ sơ công bố hợp, đã trình cơ quan có thẩm quyền chờ phê duyệt.

2. Kết quả xét nghiệm mẫu nước

Mẫu nước được xét nghiệm và phân tích theo các thông số chất lượng nhóm A theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT), kết quả cụ thể:

- Cả 09/09 mẫu nước được lấy tại 06 NMN có công suất trên $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để kiểm tra đều cho kết quả đạt quy chuẩn theo quy định.

- Cả 06/06 mẫu nước được lấy tại 02 TCN có công suất dưới $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm để kiểm tra đều cho kết quả đạt quy chuẩn theo quy định.

Đính kèm kết quả tại Phụ lục.

3. Kết luận

- Công ty có thực hiện việc lưu trữ và quản lý hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch theo quy định.

- Công tác nội kiểm: Công ty có thực hiện thử nghiệm nội kiểm đối với các thông số chất lượng nước sạch nhóm A, B theo QCVN 01-1:2018/BYT.

- Công ty có thực hiện chế độ báo cáo và chế độ công khai thông tin chất lượng nước đúng quy định;

- Công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đã trình cơ quan có thẩm quyền chờ phê duyệt.

- Công ty đã hoàn thiện hồ sơ công bố hợp, đã trình cơ quan có thẩm quyền chờ phê duyệt.

* Một số vấn đề tồn tại:

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc lưu trữ và quản lý hồ sơ hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch theo quy định.

- Về công tác nội kiểm chất lượng nước:

- + Các NMN có công suất trên $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm có thực hiện xét nghiệm chỉ tiêu nhóm A, B với tần suất đúng quy định. Tuy nhiên, số lượng mẫu thử nghiệm nội kiểm chưa đủ theo quy định (căn cứ đặc điểm của mạng lưới cấp nước và số người dân được cấp nước bởi Công ty (trên 100.000 dân) thì cần lấy ít nhất 09 mẫu/lần);

- + Các TCN có công suất dưới $1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm có thực hiện xét nghiệm chỉ tiêu nhóm A với tần suất đúng quy định, chỉ tiêu nhóm B có thực hiện nhưng

chưa đủ tần suất theo quy định; số lượng mẫu thử nghiệm nội kiểm đối với nhóm A, B chỉ mới xét nghiệm 01 mẫu/01 TCN so với 03 mẫu theo quy định.

4. Kiến nghị đến công ty

- Tiếp tục duy trì công tác quản lý, đảm bảo chất lượng nước, đặc biệt là đảm bảo nồng độ Clo dư theo tiêu chuẩn theo quy định.

- Khẩn trương hoàn thiện công tác lưu trữ và quản lý hồ sơ hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch theo quy định.

- Thực hiện thử nghiệm mẫu nội kiểm đảm bảo đủ tần suất và số lượng mẫu đối với nhóm A, B theo quy định tại Thông tư 41/TT- BYT của Bộ Y tế.

Trên đây là kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch tại 06 NMN có công suất trên 1000m³/ngày đêm và 02 TCN có công suất dưới 1000m³/ngày đêm thuộc Công ty Cổ phần đô thị Ninh Hòa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính báo và đề nghị Quý đơn vị thực hiện các kiến nghị trên./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Sở Y tế (VBĐT, đề b/cáo);
- Lãnh đạo TTKSBT (VBĐT);
- Lưu: VT, Khoa SKMT&YTTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tôn Thất Toàn